TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21-9-2018
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về "Hôn nhân và gia đình".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm Đ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Thị Liên - Văn phòng luật sư Mai Anh Giáp - Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Công H, sinh năm 1978.

Trú tại: Xóm Đ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nông Công H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/6/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nông Công H ngày 08/3/2002, hôn nhân có tìm hiểu, tự nguyện, có kê khai đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P, Cao Bằng vào tháng 6 năm 2007; có tổ chức lễ cưới ở cả hai bên gia đình; thời gian đó anh chị đều làm công nhân Công ty cổ phần mía đường P Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác, rồi mượn rượu đánh đập khiến chị phải đi cấp cứu tại bệnh viện. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tại tòa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu xin được ly hôn.

Bị đơn anh Nông Công H xác nhận và trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Về quá trình chung sống vợ chồng, sau khi cưới hòa thuận hạnh phúc được 12 năm và đã có 01 con chung là cháu Nông Thị Nguyệt A, sinh ngày 04/9/2002. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, với nguyên nhân là gia đình anh Th sang nhà anh gây sự đánh ghen về việc chị N có quan hệ ngoại tình với anh Th làm cùng công ty. Sự việc đã được tổ chức Công đoàn Công ty cổ phần mía đường đến nhà anh giải quyết. Bản thân anh có nghi ngờ vợ ngoại tình nhưng không được chứng kiến, cũng từ đó do bực tức không kiềm chế được nên có xô xát với vợ. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Tại tòa, chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh H xác nhận có 01 con chung là cháu Nông Thị Nguyệt A, sinh ngày 04/9/2002. Khi ly hôn đã thống nhất giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tròn 18 tuổi, không đặt ra việc phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận có 01 ngôi nhà xây mái bằng 01 tầng và 01 tum tầng 2 diện tích 76,5m^2 dựng trên tổng diện tích đất ở là 140m^2 tại xóm Đ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng, không yêu cầu định giá tài sản mà anh chị tự thống nhất định giá là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Ý kiến chị N khi ly hôn chị nuôi con và yêu cầu được ở ngôi nhà trên, có trách nhiệm thanh toán cho anh H số tiền 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến anh H: Yêu cầu được ở ngôi nhà và nhận thanh toán cho chị N số tiền 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) trong khoảng thời gian 04 đến 05 năm sau.

Do hai bên không tự thỏa thuận được về tài sản chung là ngôi nhà và yêu cầu tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện P tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 36, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Nông Công H.

- Về con chung: Công nhận việc thỏa thuận của chị N anh H, giao con chung là cháu Nông Thị Nguyệt A, sinh ngày 04/9/2002 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Giao ngôi nhà xây đổ mái bê tông tầng 01, lợp tum mái tôn có diện tích 76,5m^2 xây dựng trên diện tích đất ở là 140m^2 tại xóm Đ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng thửa số 35A, tờ bản đồ 111 có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường vào Nhà máy đường;

+ Phía Tây giáp đất bà H1;

+ Phía Đông giáp đất bà A1;

+ Phía Nam giáp đất ông K.

Cho chị Đinh Thị N sở hữu, chị Ncó trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Nông Công H ½ giá trị ngôi nhà và đất là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05 tháng 8 năm 2018 bị đơn anh Nông Công H có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Không nhất trí với bản án sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Anh Nông Công H trình bày: Anh kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng, không nhất trí ly hôn để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm, chăm nom, nuôi dưỡng con chung.

Chị Đinh Thị N trình bày: Không nhất trí với kháng cáo của anh H yêu cầu đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, hai bên thực sự không hòa hợp, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân cũng không hạnh phúc; đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị Nvà anh H có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung với nhau đến nay nhưng không tồn tại hạnh phúc. Tòa án nhân dân huyện P công nhận thuận tình ly hôn, giao con chung cho chị N có xét đến nguyện vọng của con; giao nhà và đất cho chị N có tính đến khả năng thi hành án, ưu tiên phụ nữ và trẻ em là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Công H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng anh H không xuất trình được tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, những lý do anh H đưa ra là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Nông Công H và công nhận thỏa thuận giao con chung là cháu Nông Thị Nguyệt A, sinh ngày 04/9/2002 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu tròn 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX cũng đã giành thời gian cho các bên hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án sơ thẩm đã xem xét đến tình trạng hôn nhân và các căn cứ pháp luật xử cho chị N ly hôn anh H là có cơ sở. Tại phiên tòa anh H không xuất trình căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Công H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, nghe kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Nông Công H kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng năm 2007, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị N là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nông Công H:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2018/HNGĐ-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, không nhất trí ly hôn, yêu cầu đoàn tụ để tiếp tục chung sống, nuôi dạy con. Tuy nhiên HĐXX nhận thấy, tại phiên Tòa sơ thẩm, chị N, anh H thuận tình ly hôn, sau khi có bản án sơ thẩm anh H mới thay đổi yêu cầu, không đồng ý ly hôn. HĐXX nhận thấy cuộc hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như ý muốn, do anh H nghị ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người khác, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ đó đến nay, mặc dù vẫn sống chung cùng nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn, thậm chí đã xảy ra xô xát, anh H đánh vợ đến mức phải đi bệnh viện cấp cứu. Tòa án sơ thẩm đã xem xét đến tình trạng hôn

nhân và căn cứ vào những quy định của pháp luật công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị là có cơ sở.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá điều kiện thực tế của chị N đủ để trực tiếp nuôi con đồng thời cũng xét đến nguyện vọng của cháu trong trường hợp bố, mẹ cháu nếu phải ly hôn, để giao cháu Nông Thị Nguyệt A là con gái cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện về giới, mẹ là người có khả năng định hướng cho con gái phát triển toàn diện hơn trong giai đoạn trưởng thành. Do đó, kháng cáo của anh H yêu cầu được nuôi con chung cũng không có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử cũng đã giải thích cho anh H về quyền khởi kiện để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi hoàn cảnh có sự thay đổi hoặc khi anh, chị có yêu cầu theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Đối với tài sản chung của hai vợ chồng là ngôi nhà xây đổ mái bê tông tầng 01, lợp tum mái tôn có diện tích 76,5m^2 xây dựng trên diện tích đất ở là 140m^2 tại xóm Đ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng là tài sản chung của hai vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. HĐXX phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm căn cứ vào hiện trạng của ngôi nhà và đất cùng các điều kiện khác như nguồn gốc, có ưu tiên quyền lợi của phụ nữ, trẻ em để giao nhà và đất cho chị Đinh Thị N sở hữu và buộc chị N phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch ½ giá trị ngôi nhà và đất là 275.000.000đ cho anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác tại cấp sơ thẩm, anh H có yêu cầu được sở hữu ngôi nhà và đất đồng thời đồng ý thanh toán 275.000.000đ tiền trên lệch cho chị N trong khoảng thời gian là 4 đến 5 năm và được thanh toán thành nhiều đợt. Đề nghị này của anh là khó để chấp nhận vì sau khi ly hôn, anh và chị đều cần có đủ điều kiện về tài sản để có thể sớm ổn định tạo lập cuộc sống riêng. Từ những nhận định trên mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm anh H có thay đổi yêu cầu, chấp nhận thanh toán ngay phần tiền trên lệch giá trị ngôi nhà 275.000.000đ cho chị Ntừ một đến hai tuần sau khi án có hiệu lực, chị N không đồng ý với đề nghị của anh H. HĐXX nhận thấy xét các điều kiện một cách toàn diện là không có căn cứ để chấp nhận.

- Ngoài ra, trong đơn kháng cáo của anh H còn đề cập đến các khoản thu nhập của anh hiện nay vợ anh đang giữ và quản lý như: Sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT huyện P, lương hàng tháng của cơ quan do vợ anh ký nhận thay, tiền lương làm thêm lúc không có việc tại nhà máy mỗi tháng anh đưa vợ trên 15.000.000đ. Cấp sơ thẩm không đề cập đến nội dung này, anh đề

nghị phúc thẩm xem xét. Tại phiên tòa hôm nay anh H không xuất trình căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét quyết định.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, anh Nông Công H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo về phần định giá tài sản ngôi nhà theo giá thị trường, giữ nguyên mức giá 550.000.000đ đối với ngôi nhà và đất là tài sản chung như tự thống nhất về giá trị tại tòa án cấp sơ thẩm. Xét đơn rút một phần kháng cáo của anh H là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX phúc thẩm quyết định đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nông Công H về phần định giá tài sản trong đơn kháng cáo toàn bộ bản án, giữ nguyên mức giá anh chị tự thỏa thuận về giá trị ngôi nhà và đất là 550.000.000đ tại cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Hoạt không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nông Công H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cao Bằng.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Nông Công H.

- Về con chung: Giao cháu Nông Thị Nguyệt A, sinh ngày 04/9/2002 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu tròn 18 tuổi; Anh Hoạt không phải cấp dưỡng nuôi con; Chị N cùng các thành viên trong gia đình

không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Giao ngôi nhà xây đổ mái bê tông tầng 01, lợp tum mái tôn có diện tích 76,5m^2 xây dựng trên diện tích đất ở là 140m^2 tại xóm Đ, Thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng thửa số 35A, tờ bản đồ 111 có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường vào Nhà máy đường;

+ Phía Tây giáp đất bà H1;

+ Phía Đông giáp đất bà A1;

+ Phía Nam giáp đất ông K.

Cho chị Đinh Thị N sở hữu, chị N có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Nông Công H ½ giá trị ngôi nhà và đất là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nông Công H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/001479 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện P;
- TAND huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Hà Nam